

CỤC HÀNG KHÔNG
DÂN DỤNG VIỆT NAM
Số: 163/CAAV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 1994

QUYẾT ĐỊNH

Của cục trưởng cục hàng không dân dụng Việt Nam
số 163/CAAV ngày 31 tháng 01 năm 1994

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam được công bố theo Lệnh số 63/LCT ngày 04/01/1991 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 242/HĐBT ngày 30/06/1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Cục Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 36/TTg ngày 30/06/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam;

Để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về việc cấp, gia hạn và thừa nhận hiệu lực chứng chỉ đủ điều kiện bay cho tàu bay dân dụng tại Việt Nam, nhằm đưa công tác quản lý các hoạt động bay đi vào nề nếp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo quyết định này Bản Qui chế cấp, gia hạn và thừa nhận hiệu lực chứng chỉ đủ điều kiện bay cho tàu bay dân dụng Việt Nam.

Điều 2. Các ông Tổng Giám đốc các Hãng hàng không, các chủ sở hữu tàu bay và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Bản Qui chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, những văn bản trước đây trái với qui chế này đều huỷ bỏ.

Nguyễn Hồng Nhị
(Đã ký)

QUI CHẾ

CẤP, GIA HẠN VÀ THỪA NHẬN CHỨNG CHỈ ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/CAAV ngày 31 tháng 01 năm 1994
của Cục trưởng Cục HKDDVN)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục 2 Điều 12 chương II của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam quy định; Khi bay trên vùng trời Việt Nam, tàu bay phải có giấy chứng chỉ đủ điều kiện bay được cấp hoặc được công nhận phù hợp với pháp luật của quốc gia nơi đăng ký tàu bay và phù hợp với các tiêu chuẩn mà Việt Nam thừa nhận.

Điều 2. Công ước về hàng không dân dụng Quốc tế ký tại Chicago ngày 07 tháng 12 năm 1944, tại Chương V Điều 31 quy định:

Mọi tàu bay thực hiện giao lưu quốc tế phải có giấy chứng chỉ đủ điều kiện bay được Quốc gia nơi đăng ký tàu bay cấp hoặc làm cho có giá trị.

Chương 2

THỦ TỤC XIN CẤP CHỨNG CHỈ ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

Điều 3. Chủ sở hữu tàu bay có nhu cầu xin cấp chứng chỉ đủ điều kiện bay phải đệ trình lên nhà chức trách Hàng không trước 15 ngày các giấy tờ, văn bản sau đây:

- Đơn xin cấp chứng chỉ đủ điều kiện bay (theo phụ lục E).
- Bản sao chứng chỉ đăng ký tàu bay.
- Bản sao chứng chỉ đủ điều kiện bay do quốc gia sản xuất tàu bay cấp hoặc chứng chỉ đủ điều kiện bay hiện hành.
- Bản sao chứng chỉ tiếng ồn.
- Bản sao chứng chỉ sử dụng các thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay và dải tần số của chúng.

6. Bản sao sai số của các La bàn.
7. Bản thống kê các thiết bị bay tối thiểu (MEL).
8. Thống kê những cải tiến bổ xung cho thiết kế.
9. Bản sao nhật ký bay.
10. Bản sao biên bản bay thử (nếu có).
11. Biên bản thanh, kiểm tra tàu bay của nhà chức trách Hàng không có thẩm quyền.

Điều 4. Việc đóng lệ phí chứng chỉ đủ điều kiện bay do nhà chức trách Việt Nam quy định.

Điều 5. Tất cả các bản sao các giấy tờ nói tại Điều 3 phải có xác nhận của công chức nhà nước Việt Nam hoặc có xác nhận của nhà chức trách Hàng không Việt Nam qua đối chiếu với các văn bản gốc.

Chương 3

CHỨNG CHỈ ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

Điều 6. Tàu bay đã được nhà chức trách Hàng không Việt Nam cấp chứng chỉ đăng ký đều có thể được xét cấp chứng chỉ đủ điều kiện bay.

Điều 7. Tàu bay được xét cấp chứng chỉ đủ điều kiện bay phải bảo đảm:

- Đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật do nhà chế tạo quy định.
- Được bảo dưỡng kỹ thuật đúng chế độ quy định.
- Có đầy đủ các thiết bị đảm bảo an toàn trên tàu bay.

Điều 8. Giấy chứng chỉ đủ điều kiện bay có kích thước 210 x 280mm, được in bằng hai thứ tiếng: tiếng Việt, tiếng Anh (như phụ lục G). Nội dung ngoài phần tiêu đề còn bao gồm 09 mục như sau:

- Số chứng chỉ,
- Quốc tịch và số hiệu đăng ký.
- Kiểu tàu bay và quốc gia sản xuất.
- Số xuất xưởng
- Loại tàu bay.
- Cơ sở pháp lý của chứng chỉ.
- Hiệu lực của chứng chỉ